



Bài báo nghiên cứu

THỰC TRẠNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CHỦ ĐỀ “TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI” MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2 THEO PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN

Nguyễn Thị Ngọc Bích¹, Nguyễn Minh Giang^{2*}, Nguyễn Thị Yến Thanh¹

¹Trường TH-THCS-THPT EMASI Nam Long, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Minh Giang – Email: giangnm@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 05-6-2024; ngày nhận bài sửa: 19-10-2024; ngày duyệt đăng: 17-4-2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tiến hành khảo sát nhận thức và thực tiễn tích hợp giáo dục phát triển bền vững (GDPTBV) trong quá trình tổ chức dạy học chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo phương pháp dạy học dựa trên dự án (Project-Based Learning) của 170 giáo viên (GV) tiểu học tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV đã hiểu rõ về khái niệm, vai trò và ý nghĩa của GDPTBV trong giáo dục tiểu học. Hầu hết GV đánh giá việc lồng ghép GDPTBV vào dạy học theo hướng dự án là phù hợp và có giá trị trong việc phát triển năng lực cho học sinh (HS). Đồng thời, họ cũng ghi nhận tính hiệu quả của các công cụ đánh giá như bảng tiêu chí và phiếu quan sát trong quá trình triển khai phương pháp này. Tuy nhiên, GV vẫn gặp một số khó khăn như thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể, thách thức trong việc quản lý – đánh giá hoạt động của HS cũng như hạn chế về thời gian tổ chức. Những kết quả thu được từ nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các hoạt động dạy học cụ thể, giúp việc tích hợp GDPTBV vào chủ đề này trở nên hiệu quả và khả thi hơn trong thực tiễn dạy học tiểu học.

Từ khóa: Trái Đất và Bầu trời; Giáo dục phát triển bền vững; Tự nhiên và Xã hội 2; dạy học dựa trên dự án

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hiện nay, phát triển bền vững (PTBV) trở thành một trong những vấn đề then chốt và được ưu tiên hàng đầu trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Vào ngày 20 tháng 12 năm 2002, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết số 57/254, công bố “Thập kỷ Giáo dục vì Phát triển bền vững của Liên hợp quốc (2005-2014)”. Nghị quyết này nhấn mạnh mục tiêu đưa giáo dục trở thành công cụ thiết yếu trong việc hình thành những công dân có trách nhiệm, đồng thời góp phần xây dựng một xã hội phát triển vững

Cite this article as: Nguyen, T. N. B., Nguyen, M. G., & Nguyen, T. Y. T. (2025). Integrating education for sustainable development into the “Earth and Sky” theme in grade 2 Natural Sciences and Social studies: A project-based learning approach. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(5), 838-849. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.5.4263\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.5.4263(2025))

chắc trong tương lai. (UNCED, 2002). Năm 2015, chương trình Nghị sự 2030 với sự tham gia của 193 quốc gia trên thế giới, đã đạt được thoả thuận và đặt ra 17 mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs) định hướng cho kế hoạch hành động hướng đến sự phát triển tương lai bền vững của thế giới và nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục (United Nations, 2015). Giáo dục đóng vai trò thiết yếu trong việc thực hiện các chiến lược phát triển bền vững, bởi con người chính là yếu tố cốt lõi của quá trình phát triển. Thông qua giáo dục, có thể tạo ra những chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành vi, từ đó góp phần giải quyết hiệu quả những thách thức mà PTBV đang đặt ra cho xã hội hiện nay. Giáo dục phát triển bền vững (GDPTBV) được xác định vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện để hiện thực hóa toàn bộ các mục tiêu PTBV (The Prime Minister of the Government, 2017). Việc tích hợp nội dung PTBV trong giáo dục đã được thể hiện rõ trong định hướng xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018 (The Ministry of Education and Training, 2018a). Theo Brundtland (1987), bản chất của PTBV là đạt được sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường, nhằm đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm suy giảm khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Từ những yêu cầu và định hướng nêu trên, có thể thấy rằng việc giáo dục ý thức và hành vi phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững cần được bắt đầu từ sớm, góp phần hình thành thể hệ công dân có trách nhiệm với tương lai của xã hội.

Trong thực tiễn giảng dạy, GV có thể lựa chọn và vận dụng đa dạng các phương pháp và định hướng dạy học hiện đại để triển khai GDPTBV, trong đó phương pháp dạy học dựa trên dự án (PPDHDA) là một trong những lựa chọn phù hợp và hiệu quả. Theo Markham và cộng sự, dạy học dự án (DHDA) hướng đến việc tạo cơ hội cho người học khám phá các vấn đề thông qua việc kết nối thông tin, vận dụng tổng hợp các kỹ năng, giá trị và thái độ, từ đó hình thành tri thức và phát triển năng lực học tập suốt đời (Markham et al., 2003). Bên cạnh đó, DHDA còn được hiểu là quá trình người học tiếp thu kiến thức và kỹ năng thông qua việc giải quyết một nhiệm vụ mang tính thực tiễn (Nguyen & Dinh, 2019). Ở cấp tiểu học, các dự án thường khai thác từ những tình huống gần gũi với đời sống, giúp kết nối nội dung học tập trong nhà trường với môi trường sống thực tế của HS, đồng thời tạo ra sản phẩm cụ thể mang ý nghĩa xã hội tích cực. Phương pháp này không chỉ giúp HS củng cố kiến thức lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng hành động và kinh nghiệm thực tiễn. Trong quá trình thực hiện dự án, HS thể hiện vai trò chủ động, tích cực, tự tìm hiểu thông tin và áp dụng các kỹ năng cũng như thái độ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ. Với những đặc điểm trên, PPDHDA được xem là phù hợp với định hướng GDPTBV trong giáo dục tiểu học.

Chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” thuộc môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 là nội dung gần gũi với thực tiễn đời sống của HS tiểu học ở Việt Nam. Thông qua chủ đề này, HS được giáo dục để thực hiện các hành vi cụ thể nhằm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, như: trồng và chăm sóc cây xanh, sử dụng vật liệu bền vững, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát thực trạng việc tích hợp GDPTBV vào dạy học chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo PPDHDA tại các trường tiểu học trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các số liệu thu thập được là căn cứ thực tiễn để đánh giá mức độ khả thi cũng như hiệu quả của phương pháp này trong điều kiện thực tế. Kết quả nghiên cứu đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp sư phạm phù hợp, đáp ứng nhu cầu của GV, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và tăng cường sự tham gia tích cực của HS vào quá trình học tập.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn.

Phiếu khảo sát gồm 11 câu hỏi, chia thành ba nhóm: (1) nhận thức của GV về tích hợp GDPTBV theo dạy học dự án (câu 1-3); (2) thực trạng triển khai tại các trường tiểu học ở Quận 7, TP. Hồ Chí Minh (câu 4-9); (3) thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện (câu 10-11).

Khảo sát được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2024.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng Microsoft Excel, sử dụng tỉ lệ phần trăm và điểm trung bình (ĐTB) trên tổng số 170 GV tham gia.

Thang đo Likert 5 mức được áp dụng, với quy đổi ĐTB như sau: Từ 1,0 đến 1,8: Rất không phù hợp (RKPH)/Chưa bao giờ (CBG)/Rất không tốt (RKT); Từ trên 1,8 đến 2,6: Không phù hợp (KPH)/Ít khi (IK)/Không tốt (KT); Từ trên 2,6 đến 3,4: Có thể áp dụng (CTAD)/Thỉnh thoảng (TT)/Trung lập (TL); Từ trên 3,4 đến 4,2: Phù hợp (PH)/Thường xuyên (TX)/Tốt (T); Từ trên 4,2 đến 5,0: Rất phù hợp (RPH)/Rất thường xuyên (RTX)/Rất tốt (RT). Độ lệch chuẩn (ĐLC) được sử dụng để đánh giá mức độ biến động về sự lựa chọn đáp án của GV. Với ĐLC lớn hơn 1 chỉ ra sự mức độ không tập trung/phân tán trong lựa chọn đáp án của GV cho cùng một câu hỏi và ngược lại.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên về giáo dục phát triển bền vững

3.1.1. Nhận thức của giáo viên về khái niệm phát triển bền vững

Nghiên cứu khảo sát 170 GV về khái niệm PTBV. Kết quả thu được trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát GV về khái niệm PTBV

Khái niệm	Số lượng GV	Tỉ lệ %
PTBV là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.	15	8,8
PTBV là tập trung vào phát triển lợi ích kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.	13	7,6
PTBV là sự kết hợp chặt chẽ, hợp lí, hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống con người trong hiện tại, nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.	142	83,6

Trong số 170 GV tham gia khảo sát, 83,6% xác định PTBV là sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai; 8,8% tập trung vào nhu cầu hiện tại; và 7,6% nhấn mạnh đến ba trụ cột chính của PTBV. Kết quả cho thấy đa số GV đã nhận thức đúng và tương đối đầy đủ về khái niệm phát triển bền vững, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn đối với các vấn đề môi trường và xã hội. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), ô nhiễm nhựa đang là thách thức nghiêm trọng, với khoảng 400 triệu tấn nhựa được sản xuất hằng năm, nhưng chưa đến 10% được tái chế (The Ministry of Natural Resources and Environment, 2023). Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận GV hiểu chưa đầy đủ do chỉ tiếp cận thông tin qua truyền thông đại chúng, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này.

3.1.2. Nhận thức của giáo viên về khái niệm và vai trò giáo dục phát triển bền vững

Từ những nhận định ban đầu về khái niệm PTBV này, nghiên cứu tiếp tục tiến hành khảo sát mức độ hiểu biết của GV về GDPTBV trong nhà trường, kết quả thu được như Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát GV về khái niệm GDPTBV

Khái niệm	Số lượng GV	Tỉ lệ %
GDPTBV là quá trình học suốt đời để tạo ra những công dân có hiểu biết, có kỹ năng giải quyết các vấn đề một cách sáng tạo, xóa mù chữ về khoa học và xã hội, cam kết tham gia vào các hoạt động cá nhân và tập thể một cách có trách nhiệm	127	74,8
GDPTBV là một hoạt động ngoại khóa giúp HS nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, xây dựng một tương lai bền vững về kinh tế và xã hội	13	7,6
GDPTBV là quá trình HS vận dụng kinh nghiệm sẵn có của mình để giải quyết các nhiệm vụ học tập, từ đó khám phá ra kiến thức mới và áp dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống	30	17,6

Kết quả Bảng 2 cho thấy 127/170 GV (74,8%) lựa chọn đúng định nghĩa GDPTBV là quá trình học suốt đời nhằm hình thành những công dân có hiểu biết, tư duy sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Ngoài ra, 13 GV (7,6%) xem GDPTBV là hoạt động ngoại khóa nâng cao nhận thức, trong khi 30 GV (17,6%) nhấn mạnh đến việc HS vận dụng kinh nghiệm cá nhân để giải quyết nhiệm vụ học tập. Tỉ lệ cao GV hiểu đúng khái niệm GDPTBV phản ánh sự đồng thuận với chương trình GDPT 2018, vốn xác định rõ mục tiêu “đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh” (The Ministry of Education and Training, 2018a). Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa tiếp cận đầy đủ khái niệm này do thiếu tài liệu chuyên sâu hoặc chưa được tập huấn. Việc tích hợp GDPTBV hiện nay chủ yếu dừng ở mức lồng ghép nội dung, chưa được xây dựng thành kế hoạch dạy học một cách hệ thống.

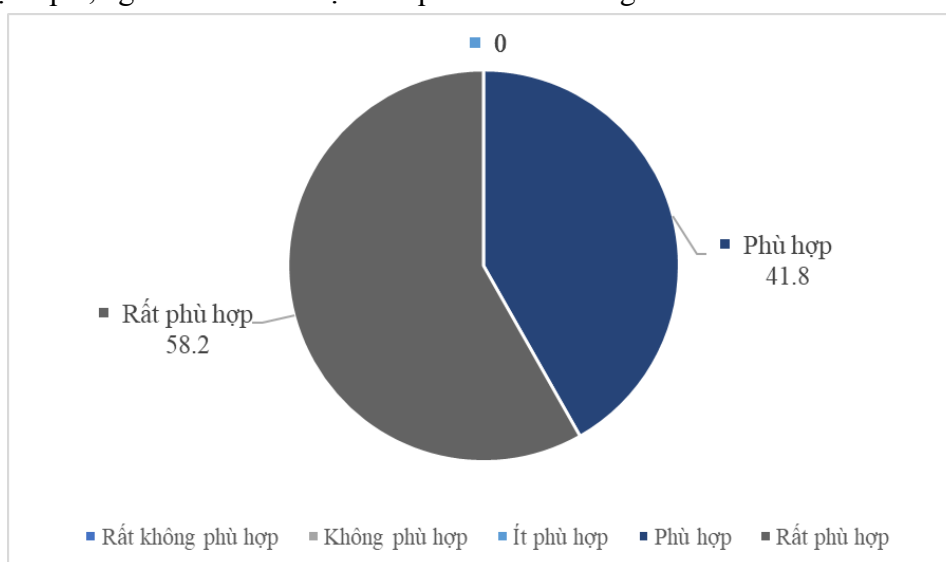
Bảng 3. Kết quả khảo sát GV về vai trò của GDPTBV

Khái niệm	Số lượng GV	Tỉ lệ %
Giúp nâng cao nhận thức của HS về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hợp lí và phát triển xã hội công bằng	14	8,3
Cung cấp kiến thức và kĩ năng cần thiết để HS tham gia vào các hoạt động PTBV, bao gồm kĩ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, hợp tác và giao tiếp	57	33,5
Khuyến khích HS thay đổi hành vi theo hướng tích cực, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển xã hội bền vững	1	0,6
Tất cả các ý kiến trên	98	57,6

Kết quả trong Bảng 3 cho thấy phần lớn GV nhận thức rõ vai trò đa dạng của GDPTBV trong việc phát triển năng lực và phẩm chất HS. Cụ thể, 57,6% GV đồng ý rằng GDPTBV bao gồm đầy đủ các vai trò như nâng cao nhận thức môi trường, cung cấp kĩ năng và thúc đẩy thay đổi hành vi tích cực. Ngoài ra, 33,5% GV chọn vai trò cung cấp kiến thức và kĩ năng, 8,3% nhấn mạnh nâng cao nhận thức, và chỉ 0,6% tập trung vào thay đổi hành vi. Nhìn chung, GV đánh giá cao hiệu quả của GDPTBV trong việc phát triển tư duy, trách nhiệm và khả năng vận dụng thực tiễn của HS, phù hợp với định hướng CTGDPT 2018. Tuy nhiên, một bộ phận GV vẫn chưa đánh giá đầy đủ vai trò này do chưa xem GDPTBV là nội dung thiết yếu trong việc xây dựng kế hoạch dạy học dài hạn.

3.2. Nhận thức của giáo viên về việc dạy học tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

Với câu hỏi đánh giá mức độ phù hợp khi dạy học tích hợp GDPTBV trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2, nghiên cứu thu được kết quả khảo sát trong Hình 1.



Hình 1. Kết quả khảo sát GV về mức độ phù hợp của việc dạy học tích hợp GDPTBV trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2

Kết quả khảo sát (Hình 1) cho thấy toàn bộ giáo viên đều đánh giá việc tích hợp GDPTBV trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 ở mức “Phù hợp” (41,8%) và “Rất phù hợp” (58,2%), với điểm trung bình đạt 4,6. Điều này cho thấy sự đồng thuận cao trong nhận thức của GV về vai trò thiết yếu của GDPTBV, phù hợp với định hướng của Chương trình GDPT 2018. Cô Lê N.P (GV lớp 2) nhận định rằng GDPTBV không chỉ nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng cho HS mà còn có khả năng lan tỏa những hành vi tích cực đến môi trường xung quanh thông qua các hành động nhỏ, thiết thực. Như vậy, việc tích hợp GDPTBV vào giảng dạy là cần thiết và phù hợp với xu thế giáo dục hiện nay.

Từ nhận thức chung đó, nghiên cứu tiếp tục đi sâu phân tích mức độ phù hợp của từng nội dung GDPTBV trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2, được trình bày cụ thể ở Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả khảo sát GV về mức độ phù hợp khi tích hợp nội dung GDPTBV với các mạch nội dung trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2

Mạch nội dung	Tỉ lệ mức độ đánh giá					Điểm TB	ĐLC
	RKPH	KPH	CTAD	PH	RPH		
Gia đình	0,0	0,0	18,2	61,4	19,4	4,0	0,66
Trường học	0,0	0,0	29,4	36,5	34,1	4,0	0,82
Cộng đồng địa phương	0,0	0,0	18,8	62,4	18,8	4,0	0,62
Thực vật và động vật	0,0	0,0	16,5	47,7	35,8	4,2	0,69
Con người và sức khỏe	0,0	0,0	12,4	53,5	34,1	4,2	0,64
Trái Đất và Bầu trời	0,0	0,0	7,6	26,5	65,9	4,6	0,63

Kết quả Bảng 4 cho thấy phần lớn GV đánh giá tích hợp GDPTBV phù hợp với tất cả các chủ đề trong môn Tự nhiên và Xã hội, với ĐTB từ 4,0 trở lên. Chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” được đồng thuận cao nhất (4,6 điểm) do tính thời sự và ảnh hưởng rõ rệt của các vấn đề môi trường đến đời sống hàng ngày. Một số GV lựa chọn mức “có thể áp dụng” do cho rằng tích hợp GDPTBV phù hợp với xu thế nhưng không bắt buộc. Tuy nhiên, theo định hướng của Chương trình GDPT 2018, giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức mà còn cần góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động vì sự PTBV, phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện của HS.

3.3. Nhận thức của giáo viên về dạy học tích hợp giáo dục phát triển bền vững theo phương pháp dạy học dựa trên dự án trong môn Tự nhiên và Xã hội

3.3.1. Thực trạng giáo viên sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tự nhiên và Xã hội

Nghiên cứu khảo sát các phương pháp và kỹ thuật dạy học được GV thường xuyên áp dụng trong môn Tự nhiên và Xã hội. Kết quả được trình bày trong Bảng 5.

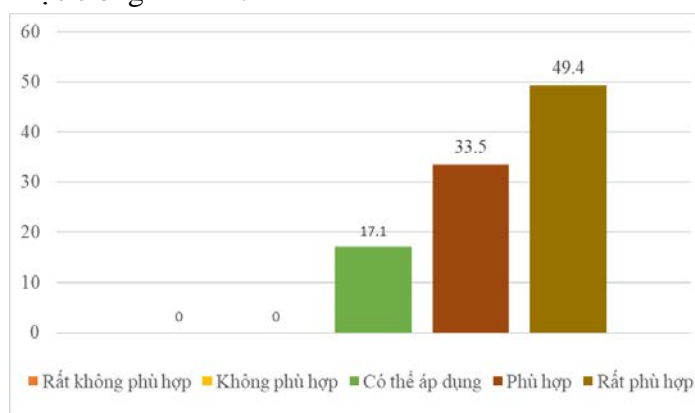
Bảng 5. Kết quả khảo sát giáo viên về mức độ sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong môn Tự nhiên và Xã hội

Phương pháp, kỹ thuật dạy học	Tỷ lệ mức độ sử dụng					Điểm TB	ĐLC
	CBG	IK	TT	TX	RTX		
Phương pháp trực quan	0,0	0,0	8,2	17,6	74,2	4,7	0,63
Phương pháp thí nghiệm khoa học	0,0	8,2	58,2	33,6	0,0	3,3	0,59
Phương pháp thực hành	0,0	8,2	17,6	49,4	24,8	3,9	0,86
Phương pháp “Bàn tay nặn bột”	0,0	8,2	8,2	66,0	17,6	3,9	0,76
Phương pháp điều tra	0,0	8,2	74,7	17,1	0,0	3,1	0,49
Phương pháp đóng vai	0,0	8,2	11,8	24,7	55,3	4,2	0,96
Phương pháp trò chơi	0,0	0,0	17,6	41,2	41,2	4,2	0,73
Phương pháp dạy học dự án	0,0	8,2	42,4	49,4	0,0	3,4	0,63
Kỹ thuật khăn phủ bàn	0,0	0,0	49,4	42,4	8,2	3,6	0,63
Kỹ thuật dạy học theo góc	0,0	0,0	66,4	33,6	0,0	3,3	0,47
Kỹ thuật các mảnh ghép	0,0	0,0	40,7	51,1	8,2	3,6	0,64

Kết quả Bảng 5 cho thấy các phương pháp trực quan, đóng vai và trò chơi được GV sử dụng thường xuyên nhất trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội (ĐTB trên 4,2) nhờ vào tính dễ áp dụng, chuẩn bị đơn giản và được gợi ý sẵn trong sách giáo khoa. Phương pháp bàn tay nặn bột và thực hành (ĐTB là 3,9) ít được sử dụng hơn do khó khăn trong việc chuẩn bị thiết bị và thời gian triển khai. PPDHDA với ĐTB là 3,6 được GV đánh giá tích cực nhưng ít được áp dụng do yêu cầu cao về thời gian và công cụ đánh giá. Hai phương pháp ít được lựa chọn nhất, với ĐTB thấp hơn là thí nghiệm khoa học và điều tra chủ yếu do không phù hợp với lứa tuổi HS và điều kiện thực tế lớp học. Kỹ thuật khăn phủ bàn và các mảnh ghép được GV sử dụng tương đối phổ biến (ĐTB là 3,6), trong khi dạy học theo góc ít được áp dụng hơn (ĐTB là 3,3) vì đòi hỏi nhiều tài liệu và thiết bị. Nhìn chung, GV đã quan tâm đến việc lựa chọn các phương pháp tích cực phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực, phẩm chất của HS.

3.3.2. Thực trạng giáo viên sử dụng phương pháp dạy học dựa trên dự án trong môn Tự nhiên và Xã hội

Điều tra GV về mức độ phù hợp của dạy học theo PPDHDA trong môn Tự nhiên và Xã hội giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS tiểu học theo CTGDPT 2018, kết quả thu được trong Hình 2.



Hình 2. Kết quả khảo sát GV về mức độ phù hợp khi áp dụng PPDHDA trong môn Tự nhiên và Xã hội

Kết quả trình bày trong Hình 2 cho thấy, 82,9% GV đánh giá rằng PPDHDA là phù hợp và rất phù hợp để áp dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Trong khi đó, 17,1% GV cho rằng phương pháp này chỉ nên áp dụng đối với một số nội dung cụ thể hoặc có thể được thay thế bằng các phương pháp dạy học khác tùy theo hoàn cảnh. Những số liệu này phản ánh nhận thức tích cực của đa số GV về tính cần thiết cũng như hiệu quả của PPDHDA trong việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng của Chương trình GDPT 2018.

Để đánh giá cụ thể hơn về hiệu quả của việc tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo PPDHDA, nghiên cứu tiếp tục khảo sát ý kiến GV về những tác động tích cực của phương pháp này đối với việc hình thành và phát triển các năng lực cần thiết cho HS tiểu học.

Bảng 6. Kết quả đánh giá của GV về mức độ ảnh hưởng của dạy học tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” đến phát triển các năng lực của học sinh

Năng lực	Tỉ lệ mức độ đánh giá					Điểm TB	ĐLC
	RKT	KT	TL	T	RT		
Nhận thức khoa học	0,0	0,0	18,2	61,4	19,4	4,0	0,73
Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh	0,0	0,0	29,4	36,5	34,1	4,0	0,73
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	0,0	0,0	18,8	62,4	18,8	4,0	0,50
Tự chủ và tự học	0,0	0,0	16,5	47,7	35,8	4,2	0,49
Giao tiếp và hợp tác	0,0	0,0	12,4	62,9	24,7	4,2	0,46
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	0,0	0,0	7,6	22,4	70,0	4,6	0,49

Kết quả tại Bảng 6 cho thấy, GV nhìn nhận tích cực về tác động của việc dạy học tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời”, thể hiện qua ĐTB các năng lực đều đạt trên 4,0. Ba năng lực chung được đánh giá cao nhất gồm: giải quyết vấn đề và sáng tạo (4,6), tự chủ và tự học (4,2), giao tiếp và hợp tác (4,2). Việc thực hiện dự án học tập theo PPDHDA đã tạo điều kiện để HS rèn luyện tư duy phản biện, phát triển tinh thần tự lực và nâng cao kĩ năng làm việc nhóm. Trong khi đó, ba năng lực đặc thù là: nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường và vận dụng kiến thức vào thực tiễn đều có ĐTB là 4,0 – mức thấp hơn so với các năng lực chung, phần nào phản ánh tính trừu tượng và mức độ tiếp cận thực tiễn còn hạn chế của nội dung chủ đề. Tuy vậy, nhìn chung, GV đã xác định đúng mục tiêu dạy học, qua đó tạo nền tảng vững chắc để triển khai hiệu quả các hoạt động GDPTBV theo PPDHDA nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho HS.

3.3.3. Khảo sát giáo viên về sự phù hợp sử dụng phương pháp và công cụ đánh giá trong dạy học dựa trên dự án trong môn Tự nhiên và Xã hội

Nghiên cứu thực hiện khảo sát GV về sự phù hợp của các phương pháp và công cụ đánh giá khi dạy học dự án trong môn Tự nhiên và Xã hội. Kết quả chi tiết trong Bảng 7.

Bảng 7. Kết quả đánh giá của GV về mức độ phù hợp của các phương pháp và công cụ đánh giá trong khi áp dụng PPDHDA

Phương pháp, công cụ đánh giá	Tỉ lệ mức độ sử dụng					Điểm TB	ĐLC
	RKPH	KPH	KPH	PH	RPH		
Câu hỏi	0,0	0,0	15,0	70,0	15,0	4,0	0,55
Bài tập	0,0	0,0	15,0	52,4	32,4	4,2	0,67
Phiếu quan sát	0,0	0,0	8,2	32,4	59,4	4,5	0,64
Các bài thực hành	0,0	0,0	8,2	60,6	31,2	4,2	0,58
Hồ sơ học tập	0,0	0,0	17,6	46,5	35,9	4,2	0,71
Sản phẩm học tập	0,0	0,0	22,4	27,0	50,6	4,3	0,80
Bài kiểm tra viết	0,0	0,0	30,0	48,2	21,8	3,9	0,71
Bảng kiểm	0,0	0,0	9,4	31,2	59,4	4,5	0,66
Thang đo	0,0	0,0	0,0	57,1	42,9	4,4	0,49
Bảng tiêu chí đánh giá	0,0	0,0	0,0	24,7	75,3	4,8	0,43

Tất cả 170 GV đều thống nhất rằng các công cụ đánh giá hiện có phù hợp để theo dõi và đánh giá HS trong quá trình thực hiện dự án, với ĐTB trên 3,9. Trong đó, bảng tiêu chí đánh giá (Rubrics) được đánh giá cao nhất (ĐTB là 4,8) do giúp đảm bảo công bằng, minh bạch và định hướng sản phẩm cá nhân của HS. Tuy nhiên, việc xây dựng rubrics phù hợp yêu cầu GV có sự tìm hiểu và kinh nghiệm thực tiễn. Bên cạnh đó, GV cũng thường xuyên sử dụng kết hợp các công cụ khác như: phiếu quan sát và bảng kiểm, thang đo, sản phẩm học tập, bài tập, thực hành, hồ sơ học tập và câu hỏi với ĐTB đều lớn hơn 4,0. Điều này cho thấy GV đã quan tâm đến việc đánh giá quá trình nhằm hỗ trợ HS kịp thời. Bài kiểm tra viết là công cụ ít được đánh giá phù hợp nhất (ĐTB là 3,9) do không phản ánh đầy đủ bản chất của PPDHDA, vốn nhấn mạnh vào thực hành, tư duy và hợp tác. Đặc biệt với HS đầu cấp, hình thức này còn có thể không phù hợp về mặt tâm lý và động lực học tập. Vì vậy, các hình thức đánh giá linh hoạt hơn như sản phẩm, thuyết trình hay quan sát quá trình là lựa chọn tối ưu trong DHDA.

3.3.4. Khảo sát giáo viên về khó khăn và thuận lợi khi thực hiện dạy học tích hợp phát triển bền vững trong chủ đề Trái Đất và Bầu trời, môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 dựa trên dự án

Nhằm tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn của GV trong quá trình tích hợp GDPTBV vào chủ đề “Trái Đất và Bầu trời”, môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 theo PPDHDA, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và trình bày kết quả chi tiết trong Bảng 8 và Bảng 9.

Kết quả ở Bảng 8 cho thấy phần lớn GV đánh giá tích cực về việc dạy học tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo PPDHDA. Cụ thể, 92,9% đã đồng ý rằng PPDHDA phù hợp với yêu cầu của CTGDPT 2018 và tạo hứng thú cho HS; 97,1% nhận định nó giúp tăng cường kết nối giữa kiến thức và thực tiễn. Điều này khẳng định GV đã nhận thức rõ vai trò của GDPTBV trong việc phát triển toàn diện cho HS. HS cũng tỏ ra hào hứng khi được vận dụng kinh nghiệm cá nhân để giải quyết vấn đề, do đó, GV cần tận dụng đặc điểm này để thiết kế các hoạt động phù hợp và hiệu quả.

Bảng 8. Kết quả khảo sát GV về những thuận lợi khi dạy học tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo phương PPDHDA

Thuận lợi	Số lượng	Tỉ lệ %
Phù hợp với yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018	158	92,9
HS hứng thú với các hoạt động dự án đa dạng, phong phú	158	92,9
Ban giám hiệu nhà trường quan tâm và khuyến khích việc tích hợp GDPTBV	102	60,0
Dễ dàng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu tham khảo về GDPTBV và PPDHDA	12	7,1

Bên cạnh các thuận lợi chính, 60% GV cho rằng BGH nhà trường quan tâm và tích cực khuyến khích việc tích hợp GDPTBV. Trong bối cảnh toàn cầu ngày càng đề cao PTBV, vai trò của nhà trường trở nên quan trọng trong việc giáo dục HS thông qua các dự án, giúp các em phát triển năng lực một cách tự nhiên và chủ động. Tuy vậy, chỉ 7,1% GV nhận định việc tìm kiếm tài liệu tham khảo về GDPTBV và PPDHDA là thuận lợi. Mặc dù tài liệu hướng dẫn về DHDA đã tương đối phổ biến, song tài liệu cụ thể cho việc tích hợp GDPTBV vào môn học vẫn còn hạn chế, điều này sẽ được làm rõ hơn qua kết quả khảo sát về những khó khăn của GV trong bảng dưới đây..

Bảng 9. Kết quả khảo sát GV về những khó khăn khi dạy học tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo PPDHDA

Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ %
Đánh giá kết quả học tập của HS theo mục tiêu GDPTBV	86	50,6
Tài liệu và hướng dẫn cụ thể về tích hợp GDPTBV	156	91,5
Thời gian để triển khai các hoạt động GDPTBV trong chương trình học	141	82,9
Quản lí và điều phối các hoạt động dự án của HS	125	73,5
Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học chưa đáp ứng nhu cầu của GDPTBV	42	24,7

Theo Bảng 9, khó khăn lớn nhất được GV là thiếu tài liệu và hướng dẫn cụ thể về tích hợp GDPTBV (91,5%). Hiện nay, nội dung GDPTBV chủ yếu được tích hợp ở mức lồng ghép, chưa có chiến lược dài hạn hoặc tài liệu hướng dẫn chi tiết để GV dễ tiếp cận và triển khai. Các khó khăn khác bao gồm: thời gian triển khai (82,9%), quản lí hoạt động dự án (73,5%), đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu GDPTBV (50,6%) và hạn chế về cơ sở vật chất (24,7%). Những khó khăn này lí giải vì sao nhiều GV vẫn ưu tiên các phương pháp truyền thống, đặc biệt với HS nhỏ từ lớp 1 đến 3. Tuy nhiên, nếu có tài liệu hướng dẫn cụ thể và được hỗ trợ tổ chức hiệu quả, dạy học tích hợp GDPTBV theo PPDHDA sẽ góp phần nâng cao hứng thú học tập, phát triển năng lực, phẩm chất cho HS, đồng thời giúp GV thực hiện hiệu quả đánh giá và triển khai dạy học theo định hướng của CTGDPT 2018.

4. Kết luận

Khảo sát thực trạng tích hợp GDPTBV trong chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 tại các trường tiểu học ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy GV có nhận thức đúng đắn về GDPTBV, đánh giá cao tính phù hợp và hiệu quả của việc tích hợp theo PPDHDA trong phát triển năng lực, phẩm chất HS. Các công cụ như bảng tiêu chí đánh giá được GV sử dụng hợp lý để theo dõi quá trình học tập của HS. Tuy nhiên, GV vẫn gặp khó khăn về tài liệu hướng dẫn, quản lý dự án và đánh giá theo mục tiêu GDPTBV. Kết quả nghiên cứu thực trạng tích hợp GDPTBV vào dạy học chủ đề “Trái Đất và Bầu trời” theo PPDHDA là cơ sở thực tiễn để đề xuất các hoạt động dạy học tích hợp GDPTBV một cách hiệu quả.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brundtland, G. H. (1987). Our common future: Call for action. In *Report of the World Commission on Environment and Development* (pp. 291-294). Oxford University Press
- Markham, T., Larmer, J., & Ravitz, J. (2003). *Project-Based Learning Handbook: A Guide to Standards Focused Project-Based Learning for Middle and High School Teachers*. Buck Institute for Education.
- Nguyen, C. D., & Dinh, T. V. (2019). Ứng dụng phương pháp dạy học theo dự án trong dạy học chuyên ngành Kỹ thuật động cơ nhiệt. [Applying the Project-Based Learning Method in Teaching Thermal Engine Engineering.] *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 43.
- Ministry of Education and Training. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông Tổng thể 2018* [General Education Program 2018]. Vietnam Education Publishing House.
- Ministry of Education and Training. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội 2018* [General education program in Natural and Social 2018]. Vietnam Education Publishing House.
- The Ministry of Natural Resources and Environment. (2023). *Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới 05/6 và Ngày Đại dương Thế giới 08/6 năm 2023* [Organizing activities in response to World Environment Day (June 5) and World Oceans Day (June 8), 2023].
- The Prime Minister of the Government. (2017). Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững [Decision No. 622/QĐ-TTg dated May 10, 2017 by the Prime Minister on the issuance of the National Action Plan for the implementation of the 2030 Agenda for Sustainable Development].
- UNCED. (2002). *Chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững* [The global agenda for sustainable development]. Johannesburg.
- United Nations. (2015). *2030 Agenda for Sustainable Development*. New York.

**INTEGRATING EDUCATION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT
INTO THE “EARTH AND SKY” THEME IN GRADE 2 NATURAL SCIENCES
AND SOCIAL STUDIES: A PROJECT-BASED LEARNING APPROACH**

Nguyen Thi Ngoc Bich^{1}, Nguyen Minh Giang^{2*}, Nguyen Thi Yen Thanh¹*

¹EMASI Nam Long School, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam

²Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Minh Giang – Email: giangnm@hcmue.edu.vn

Received: June 05, 2024; Revised: October 19, 2024; Accepted: April 17, 2025

ABSTRACT

This study examined primary school teachers’ awareness and integration of Education for Sustainable Development (ESD) into the “Earth and Sky” theme using a project-based learning approach in District 7, Ho Chi Minh City. The results showed that teachers understood clearly ESD’s concept, role, and significance. Most teachers viewed the integration of ESD into project-based learning as appropriate and ESDbeneficial for student development. They also supported the use of assessment tools such as rubrics and observation sheets However, challenges remain, including the lack of clear guidelines for ESD, project management, assessment methods, and limited implementation time. The research results provide a basis for developing specific teaching activities to effectively integrate ESD into the teaching of this theme using a project-based learning approach.

Keywords: Earth and Sky; Education for Sustainable Development; Natural and Social Science subject 2; project-based learning